

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 434/2020/DS-PT.

Ngày: 16/12/2020.

*V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và hợp đồng góp hụi.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán:

1. Bà Huỳnh Thị Phụng

2. Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 517/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 513/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp GCM, xã K, huyện VH, tỉnh Long An

2. *Bị đơn:* Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1978 (Tên gọi khác: Y, N, H).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hiếu H, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Ấp GCM, xã K, huyện VH, tỉnh Long An.

4. *Người kháng cáo:* ông Nguyễn Hiếu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày như sau:

Ngày 10/02/2018 (al), dương lịch là 26/3/2018, bà Đ có tới nhà vay của bà số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, hạn 01 tháng sau trả, bà Đ có viết giấy mượn tiền và ký tên trong giấy. Tiền lãi bà Đ đã đóng cho bà từ tháng 03/2018 (dl) cho đến hết tháng 02/2020 (dl), mỗi tháng nhận 1.200.000 đồng. Từ tháng 3/2020 (dl) cho đến nay bà Đ không đóng lãi nữa, bà L có đòi nhiều lần yêu cầu bà Đ trả tiền gốc và lãi nhưng bà Đ hạn hạn lượt không trả.

Ngày 25/3/2018 (al), dương lịch là 10/5/2018, bà Đ tiếp tục tới nhà vay của bà số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, hạn 01 tháng sau trả lại, bà Đ có làm giấy mượn tiền và ký tên trong giấy. Bà L có nhận tiền lãi bà Đ đóng từ tháng 5/2018 (dl) cho đến hết tháng 2/2020 (dl), mỗi tháng nhận 900.000 đồng. Từ tháng 3/2020 (dl) cho đến nay bà Đ không đóng lãi và không trả tiền vốn.

Ngày 28/5/2018 (al), dương lịch là 11/7/2018, tại nhà bà Võ Thị Đăng K, bà Đ có vay của bà L 150.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, hạn 03 tháng sau trả, bà Đ có làm giấy mượn tiền và ký tên trong giấy. Số tiền 150.000.000 đồng cho bà Đ vay do bà L hốt hụi của bà Khoa. Bà L đã nhận tiền lãi do bà Đ đóng từ tháng 7/2018 (dl) cho đến hết tháng 2/2020 (dl), mỗi tháng nhận 4.500.000 đồng. Từ tháng 3/2020 (dl) cho đến nay bà Đ không đóng lãi và không trả tiền vốn.

Ngày 30/10/2018 (dl) bà Đ tới nhà bà L vay 400.000.000 đ với lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, hạn 03 tháng sau trả, bà Đ có viết giấy mượn tiền và ký tên trong giấy, có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 180615 với diện tích 22.751m² cấp ngày 07/10/1996 mang tên Nguyễn Hiếu H sinh năm 1970, chứng minh nhân dân 300873687, là chồng bà Đ. Khi vay tiền thì ông H không đi cùng bà Đ. Đến ngày 19/5/2019 (dl) bà Đ có đến nhà bà L mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên với lý do để sửa lại một số nội dung trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do xã yêu cầu. Bà L giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ và bà Đ hạn 01 tuần sau trả lại, có làm giấy biên nhận. Nhưng 10 ngày sau bà Đ lại đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở mang tên ông Nguyễn Hiếu H với diện tích 80m² cấp ngày 30/12/2011. Bà L thắc mắc thì bà Đ nói chồng bà không chịu đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ruộng trước đây mà chỉ đưa bằng khoán đất ở, hiện nay bà L đang giữ bản chính bằng khoán đất ở này. Bà L có nhận lãi từ bà Đ đóng từ tháng 10/2018 (dl) cho đến hết tháng 2/2020 (dl), mỗi tháng nhận 12.000.000 đồng. Từ tháng 3/2020 (dl) cho đến nay bà Đ không đóng lãi và không trả tiền vốn.

Ngày 12/11/2019 (dl), bà Đ tới nhà bà L vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, hạn khi nào bà L đòi thì sẽ trả, bà Đ có làm giấy mượn tiền và ký tên trong giấy. Bà L có nhận tiền lãi từ tháng 11/2019 (dl) cho đến hết tháng 01/2020 (dl), mỗi tháng nhận 1.500.000 đồng. Từ tháng 2/2020 (dl) cho đến nay bà Đ không đóng lãi và không trả tiền vốn.

Ngày 13/12/2019 (al), dương lịch là ngày 07/01/2020, bà Đ có mở dây hụi tháng 6.000.000đồng do bà Đ làm chủ thảo, có 18 người chơi, bà L tham gia 01 phần. Từ khi khai hụi cho đến ngày 13/3/2020 (al), dương lịch là ngày 05/4/2020, bà L đã đóng cho bà Đ 04 lần với số tiền gốc 20.000.000đồng. Sau đó bà Đ bỏ đi khỏi địa phương và không khai hụi nữa. Khi tham gia hụi thì bà Đ có giao cho bà L 01 danh sách hụi, khi bà L đưa tiền hụi cho bà Đ thì hai bên không ký nhận giấy tờ hay sổ sách gì.

Nay bà L yêu cầu ông Nguyễn Hiếu H phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Đ trả cho bà L số tiền vốn vay 670.000.000đồng và 20.000.000đồng tiền hụi đã đóng vì lúc bà Đ vay tiền thì bà Đ nói vay về để mua nhà cho con gái trên thành phố. Ông H có biết việc bà Đ vay tiền của bà L và việc bà L chơi hụi vì hai vợ chồng sống chung, chi tiêu chung trong gia đình, nợ trong thời kì hôn nhân nên hai vợ chồng bà Đ phải có trách nhiệm liên đới trả.

Về tiền lãi bà L đã nhận của bà Đ: Bà L cho rằng đã nhận tổng cộng tiền lãi từ bà Đ với mức lãi suất 3%/tháng với tổng số tiền là 337.100.000 đồng, sau đó bà L kê khai lại do trước đó tính nhầm và xác định tổng tiền lãi đã nhận của bà Đ là 315.000.000 đồng. Bà yêu cầu bà Đ trả tiền lãi trên số nợ gốc từ ngày vay đến tháng 8 năm 2020.

Bị đơn bà Ngô Thị Đ trình bày: Qua lời trình bày của bà L, bà Đ thừa nhận từng thời điểm vay và thừa nhận số tiền vay nợ như bà L trình bày, số tiền vay gốc là 670.000.000đồng và số tiền hụi gốc bà L đã đóng cho bà được 04 lần là 20.000.000đồng. Cụ thể:

Ngày 10/02/2018 (al), bà Đ có tới nhà bà L vay số tiền 40.000.000đồng, trả lãi bắt đầu tháng 3/2018 (al) đến hết tháng 9/2018 (al) là 07 tháng, (1.000.000đồng trả 3.000đồng/ngày), quy ra một ngày trả 120.000đồng x 200 ngày = 24.000.000đồng.

Ngày 25/3/2018 (al), bà Đ có tới nhà bà L vay số tiền 30.000.000đồng, trả lãi bắt đầu tháng 3/2018 (al) đến hết tháng 9/2018 (al) là 06 tháng, (1.000.000đ trả 3.000đồng/ngày), quy ra một ngày trả 120.000đồng x 170 ngày = 15.300.000đồng.

Ngày 28/5/2018 (al) bà Đ có vay của bà L số tiền 150.000.000đồng tại nhà bà Khoa, trả lãi bắt đầu từ tháng 5/2018(al) đến hết tháng 9/2018 là 04 tháng, trả lãi là 3%/tháng, đã trả lãi là 18.000.000đồng.

Ngày 12/11/2019 (dl), bà Đ vay của bà L số tiền 50.000.000đồng với lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, bà Đ cho rằng đã trả 3 tháng tiền lãi mỗi tháng trả 2.000.000đồng.

Về tiền lãi, bà Đ cho rằng bà đã trả tiền lãi cho bà L theo cách thức 10 ngày trả 7.000.000đồng, bắt đầu trả từ ngày 30/10/2018 (al) đến hết tháng 3/2020 (âm lịch) trên số nợ gốc 620.000.000đồng là 17 tháng, mỗi tháng trả là 21.000.000đồng, tổng tiền lãi đã trả là 357.000.000đồng. Sau đó, bà Đ kê khai lại tổng số tiền lãi đã trả cho bà L là 399.600.000 đồng nhưng bà Đ cho rằng việc trả lãi hai bên không lập biên nhận hay ký nhận sổ sách.

Mục đích bà Đ vay tiền bà L để đóng hụi cho các thành viên chơi mà không đóng hụi cho bà. Bà Đ tổ chức chơi hụi cách nay 03 năm, mỗi lần tổ chức chơi là 10 dây hụi. Việc vay tiền chồng bà là ông H không biết. Khi tổ chức chơi hụi chồng bà có biết nhưng chồng bà không đồng ý cho bà tổ chức chơi hụi. Bà và ông H vẫn sống chung với nhau. Bà có cầm cho bà L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chồng bà, việc bà lấy giấy đất đi cầm thì chồng bà không biết.

Nay bà L yêu cầu bà và chồng bà liên đới trả số tiền vốn vay 670.000.000đồng và trả 20.000.000đồng tiền hụi thì bà đồng ý nhưng xin một mình bà trả và yêu cầu xem xét lại số tiền lãi đã đóng cho bà L, đồng ý tính tiếp tiền lãi theo quy định của pháp luật trên số tiền vay gốc từ thời điểm bà ngưng đóng tiền lãi đến tháng 8 năm 2020.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hiếu H trình bày:

Ông H là chồng bà Đ, có đăng kí kết hôn, hiện ông với bà Đ vẫn sống chung nhà với nhau. Vợ ông vay tiền của bà L về làm gì ông không biết và cũng không ai nói gì với ông. Việc vợ ông cầm bằng khoán đứng tên ông cho bà L ông cũng không biết, cách nay khoảng 03 tháng khi vỡ nợ bà Đ bỏ đi không nói gì với ông, sau đó bà L xuống nhà nói bà Đ vay nợ ông mới biết. Việc chi tiêu trong gia đình là ông lo, tiền của ai nấy chi xài, không ai quan tâm đến ai. Nay bà L yêu cầu ông cùng liên đới trả nợ thì ông không đồng ý.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An đã căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phúng; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà Ngô Thị Đ và ông Nguyễn Hiếu H.

1.1. Buộc bà Ngô Thị Đ và ông Nguyễn Hiếu H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thùy L tổng số tiền vay là 582.000.000đồng (trong đó tiền gốc là 529.300.000đồng, tiền lãi là 52.700.000đồng).

1.2. Buộc bà Ngô Thị Đ và ông Nguyễn Hiếu H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thùy L 20.000.000 đồng tiền hụi.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền, thời hạn kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hiếu H kháng cáo không đồng ý cùng với bà Ngô Thị Đ liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thùy L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hiếu H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới.

Bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày: Bà không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông H.

Ông Nguyễn Hiếu H trình bày nội dung kháng cáo: Bà Đ là vợ của ông, vợ chồng vẫn còn chung sống với nhau, ông có biết bà Đ vay tiền của bà L và việc vợ ông làm thảo hui nhưng ông không sử dụng tiền vay và tiền hui nên ông không đồng ý liên đới trả nợ.

Bà Ngô Thị Đ trình bày: Bà thừa nhận còn nợ bà L số tiền vay là 582.000.000 đồng và tiền hui 20.000.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền này cho bà L và đề nghị không buộc ông H liên đới trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của ông H hợp lệ, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hiếu H thấy rằng: Bà Đ và ông H có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào năm 2002, thời điểm bà Đ vay tiền, chơi hui hai vợ chồng vẫn còn chung sống với nhau, hơn nữa bà Đ trình bày việc vay tiền để choàng hui và làm thảo hui nhằm có tiền hoa hồng phục vụ các nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên ông H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Đ trả số tiền nợ vay và nợ hui cho bà L. Kháng cáo của ông H không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hiếu H thực hiện đúng hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, Điều 273

của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thùy L tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi với bà Ngô Thị Đ và ông Nguyễn Hiếu H nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hiếu H, thấy rằng:

[3.1] Bà Đ thừa nhận còn nợ bà L số tiền vay là 582.000.000đồng và tiền hụi 20.000.000đồng, bà Đ đồng ý trả cho bà L toàn bộ số tiền nợ này nhưng xin trả một mình. Ông H kháng cáo không đồng ý liên đới trách nhiệm trả nợ cùng với bà Đ, xét thấy bà Đ và ông H là vợ chồng, hiện tại ông H và bà Đ đang sống chung và hôn nhân đang còn tồn tại. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đ thừa nhận mục đích bà Đ vay tiền là để choàng tiền hụi, làm thảo hụi sinh lời để trả nợ, số tiền lãi phát sinh bà Đ dùng chi tiêu, phục vụ nhu cầu sinh hoạt thiết yếu trong gia đình. Bà Đ thừa nhận khi bà vay tiền và tham gia chơi hụi thì ông H biết và vợ chồng hiện tại vẫn sống chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H xác định có biết bà Đ làm thảo hụi và vay tiền nhưng ông không biết việc bà Đ vay tiền của bà L để làm gì. Ngoài ra khi vay tiền bà Đ có thể chấp cho bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Hiếu H đứng tên để đảm bảo làm tin cho việc trả nợ.

[3.2] Từ những căn cứ trên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H và bà Đ có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ cho bà L là phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nên không chấp nhận cầu kháng cáo của ông H.

[3.3] Đề nghị của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông H phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông H phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hiếu H.

6. Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phùng Thị Cẩm Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Phượng - Nguyễn Thiện Tâm

Phùng Thị Cẩm Hồng